



VIETFUND  
MANAGEMENT

QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM

**VFMVFA**

**BẢN CÁO BẠCH TÓM TẮT**



TP.HCM, tháng 04 năm 2013

Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18 tháng 04 năm 2013

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

Giá trị chứng chỉ Quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường. Việc đầu tư vào Quỹ này không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư. Nhà đầu tư cần cân nhắc kỹ về các rủi ro và mức độ rủi ro trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

# BẢN CÁO BẠCH TÓM TẮT

## QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM (VFMVFA)

### CHUYỂN ĐỔI QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM TỪ QUỸ CÔNG CHỨNG DẠNG ĐÓNG SANG QUỸ CÔNG CHỨNG DẠNG MỞ

(Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 03/GCN-UBCK

do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 18/04/2013)

Ngày đăng ký Bản cáo bạch: 18/04/2013

#### TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

##### Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (Vietfund Management)

###### • Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84.8) 3825 1488 Fax: (84.8) 3825 1489

Email: info@vinafund.com

Website: www.vinafund.com

###### • Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 9, Phòng 903, Tòa nhà Văn phòng Trung tâm Hà Nội, 44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 3942 8168 Fax: (84.4) 3942 8169

- Bản cáo bạch này được cung cấp tại các Đại lý phân phối và chi nhánh phân phối chứng chỉ Quỹ VFMVFA theo danh sách trong Phụ lục I của bản cáo bạch này
- Bản cáo bạch có thể được cập nhật sáu (06) tháng một (01) lần.

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

##### Ông PHẠM KHÁNH LYNH – Phó Tổng Giám Đốc

Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)

Địa chỉ: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại : (84.8) 3825 1488 Fax: (84.8) 3825 1489

## MỤC LỤC

<b>I. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA .....</b>	<b>4</b>
<b>II. TRIỂN VỌNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ .....</b>	<b>8</b>
1. Triển vọng phát triển kinh tế Việt Nam .....	8
2. Cơ hội đầu tư theo phân tích định lượng (Quantitative Analysis) - Đầu tư theo xu thế thị trường (Trend Following).....	10
<b>III. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ .....</b>	<b>12</b>
<b>IV. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT .....</b>	<b>12</b>
<b>V. CÔNG TY KIỂM TOÁN .....</b>	<b>12</b>
<b>VI. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ .....</b>	<b>13</b>
<b>VII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN .....</b>	<b>13</b>
<b>VIII. PHƯƠNG THỨC GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ VFMVFA SAU KHI ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI .....</b>	<b>14</b>
1. Chuyển đổi tài khoản giao dịch và xác nhận sở hữu chứng chỉ quỹ VFMVFA cho nhà đầu tư sau khi chuyển đổi.....	14
2. Tình hình hoạt động của Quỹ VFMVFA .....	14
3. Tóm tắt các điều khoản và điều kiện liên quan đến các đợt phát hành của Quỹ sau chuyển đổi .....	15
4. Cách thức giao dịch chứng chỉ quỹ.....	16
5. Người được uỷ quyền từ nhà đầu tư.....	19
6. Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền mua chứng chỉ Quỹ VFMVFA.....	20
7. Các trường hợp giao dịch không hợp lệ .....	20
<b>IX. CÁC RỦI RO KHI ĐẦU TƯ VÀO QUỸ .....</b>	<b>20</b>
<b>X. PHÍ, LỆ PHÍ CỦA QUỸ .....</b>	<b>22</b>
1. Các loại phí do nhà đầu tư trả .....	22
2. Các loại phí do Quỹ trả.....	23
3. Phương thức phân phối lợi nhuận của Quỹ.....	27
4. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ.....	27
5. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ .....	27
<b>XI. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ .....</b>	<b>27</b>

## CHƯƠNG I : CÁC THUẬT NGỮ / ĐỊNH NGHĨA

### NHỮNG TỪ VÀ CỤM TỪ VIẾT TẮT DƯỚI ĐÂY ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA VÀ SẼ ĐƯỢC DÙNG TRONG SUỐT BẢN CÁO BẠCH NÀY:

<b>“Quỹ đầu tư Năng Động VFA”</b>	(Sau đây gọi tắt là Quỹ VFMVFA) là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở được chuyển đổi từ Quỹ VFA dạng đóng, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng được thành lập theo Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/6/2006 và các văn bản pháp luật có liên quan, chịu sự quản lý về mặt hành chính của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
<b>“Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam – VietFund Management (VFM)”</b>	(Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ VFM) là một công ty cổ phần với cổ đông sáng lập là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management Limited, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ VFM là công ty thực hiện huy động vốn và quản lý Quỹ VFMVFA.
<b>“Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Sacombank”</b>	(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng Sacombank) là ngân hàng thương mại cổ phần, được thành lập theo Giấy phép số 0006/NH-GP ngày 05/12/1991 cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.
<b>“Dragon Capital Management Limited”</b>	(Sau đây gọi tắt là DCM) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo luật của British Virgin Islands thuộc Dragon Capital Group, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.
<b>“Đại lý phân phối”</b>	Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm đã đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở và được công ty quản lý quỹ chỉ định phân phối không độc quyền chứng chỉ Quỹ VFMVFA theo Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ.
<b>“Ngân hàng giám sát và lưu ký”</b>	Là Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (Sau đây gọi tắt là ngân hàng HSBC) là Ngân Hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập số 235/GP- NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 18/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 18/03/2008, và công văn số 2369/UBCK-QLKD do UBCKNN cấp ngày 17/12/2008 về việc chấp thuận chuyển đổi giấy chứng nhận hoạt động lưu ký cho Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ.
<b>“Công ty kiểm toán”</b>	(Sau đây gọi tắt là công ty kiểm toán) Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ VFMVFA, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ VFMVFA và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định hàng năm.
<b>“Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM”</b>	(Sau đây gọi tắt là HOSE) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

<b>“Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội”</b>	(Sau đây gọi tắt là HNX) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
<b>“Bản cáo bạch”</b>	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ và các tổ chức có liên quan của Quý.
<b>“Điều lệ Quỹ”</b>	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ VFMVFA được nhà đầu tư thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Điều lệ được soạn thảo phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.
<b>“Hợp đồng giám sát”</b>	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quý VFMVFA.
<b>“Nhà đầu tư”</b>	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ VFMVFA.
<b>“Đại hội Nhà đầu tư”</b>	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ VFMVFA. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ VFMVFA.
<b>“Ban đại diện Quỹ”</b>	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ VFMVFA, Công ty quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát.
<b>“Vốn điều lệ”</b>	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ.
<b>“Đơn vị quỹ”</b>	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau với mệnh giá của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quý.
<b>“Chứng chỉ Quỹ VFMVFA”</b>	(Sau đây gọi là chứng chỉ quỹ) là chứng khoán do Công ty quản lý quỹ VFM đại diện cho Quỹ VFMVFA phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ VFMVFA theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của nhà đầu tư đó đang sở hữu
<b>“Giá phát hành”</b>	Là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/ Giá phát hành tại các kỳ giao dịch sau khi Quý được chuyển đổi bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với phí phát hành đã quy định tại Bản cáo bạch này
<b>“Giá mua lại”</b>	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi phí mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
<b>“Phí phát hành tại các kỳ giao dịch sau khi chuyển đổi”</b>	(Sau đây gọi tắt là Phí phát hành) là phí mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quý tại những kỳ giao dịch sau khi Quý được chuyển đổi thành quỹ mở. Phí này được thu khi nhà đầu tư thực hiện giao dịch mua và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch mua chứng chỉ Quỹ VFMVFA.

<b>“Phí mua lại”</b>	Là phí mà nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị chứng chỉ quỹ cho Quý. Phí này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch được quy định tại Điều lệ.
<b>“Phí quản lý quỹ”</b>	Là phí phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Chương XI, mục 2.2 của Bản cáo bạch.
<b>“Năm tài chính”</b>	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. năm tài chính đầu tiên của Quỹ VFMVFA sẽ được tính từ ngày Quỹ VFMVFA được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.  Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
<b>“Giá trị tài sản ròng của quỹ”</b>	(Sau đây gọi tắt là NAV) Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ VFMVFA sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ VFMVFA tại thời điểm định giá.
<b>“Ngày định giá”</b>	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ VFM xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ VFMVFA. Ngày định giá là ngày thứ Sáu hàng tuần.
<b>“Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ”</b>	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ VFM thực hiện các lệnh/yêu cầu mua lại chứng chỉ quỹ, phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư được gửi bằng văn bản, thông qua đại lý phân phối, trước thời điểm đóng sổ lệnh.  Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ được thực hiện định kỳ 02 lần trong tháng, vào ngày thứ Sáu của tuần thứ hai và thứ Sáu của tuần thứ tư hàng tháng.
<b>“Thời điểm đóng sổ lệnh”</b>	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch mua/bán/ chuyển đổi từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
<b>“Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư”</b>	Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quý: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;</li> <li>- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;</li> <li>- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;</li> <li>- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.</li> </ul>

**“Dịch vụ đại lý chuyển nhượng”**

Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:

- Lập và quản lý Sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, tài khoản ký danh của đại lý phân phối và các tiểu khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật Sổ chính;
- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;
- Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch, báo cáo hoạt động quỹ và các tài liệu khác cho nhà đầu tư;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

**“Người có liên quan”**

Theo khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006.

**“Các định nghĩa khác”**

Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

## CHƯƠNG II : TRIỂN VỌNG CƠ HỘI ĐẦU TƯ

### 1. TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

#### A. Tổng hợp số liệu vĩ mô của Việt Nam trong năm 2012 và mục tiêu năm 2013

Số TT.	Chỉ tiêu	Số liệu 2012	Mục tiêu 2013
1	Tăng trưởng GDP	5,03%	5,5%
2	Lạm phát (YoY)	6,81%	7%-8%
3	Tăng trưởng xuất khẩu (YoY)	18,3%	10%
4	Thặng dư thương mại (% giá trị xuất khẩu)	0,25%	-8%
5	Tổng đầu tư xã hội (% GDP)	34%	29,5%
6	Vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài (Tỷ USD)	12,7	13-14
7	Giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Tỷ USD)	10,5	11,5-12
8	Dự trữ ngoại tệ (USD tỷ)	24	30
9	Tăng trưởng bán lẻ hàng hóa (đã điều chỉnh cho lạm phát) (YoY)	6%	6,5%-7%
10	Tăng sản xuất công nghiệp (YoY)	4,8%	n/a
11	Tăng trưởng tín dụng (so với 31/12/2011)	8,91%	12%
12	Tăng tổng cung phương tiện thanh toán (M2) (so với 31/12/2011)	22,4%	14%-16%

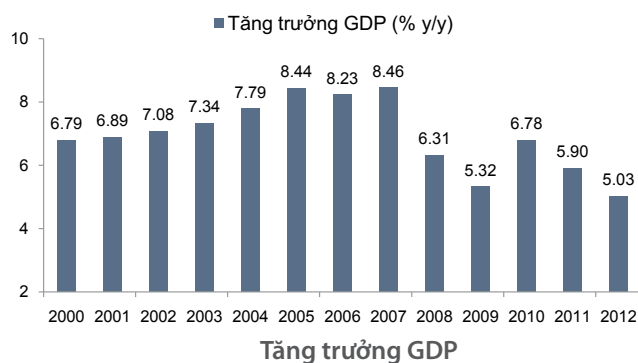
YoY: So với cùng kỳ năm trước

n/a: Không có số liệu

#### B. Tình hình kinh tế Việt Nam

- Sau giai đoạn bất ổn kinh tế vĩ mô trong 2010-2011, với các điều chỉnh quyết liệt về chính sách tiền tệ, kinh tế vĩ mô của Việt nam đã đi vào giai đoạn dần ổn định trong năm 2012. Các chính sách điều chỉnh tích cực của chính phủ đã cho thấy một số kết quả tích cực:

- Tăng trưởng GDP cả năm 2012 đạt 5,03%. Tốc độ tăng trưởng 2012 không cao so với các năm trước, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng GDP 2012 là đáng khích lệ trong hoàn cảnh nền kinh tế đang tiến hành giảm thiểu công nợ.
- Lạm phát đã có sự giảm tốc rõ rệt thể hiện rõ từ các tháng đầu năm 2012 và lạm phát so sánh cùng kỳ năm trước đã xuống thấp hơn 10% vào tháng 5 năm 2012. Lạm phát cả năm 2012 so với năm trước chỉ còn tăng 6,81%.

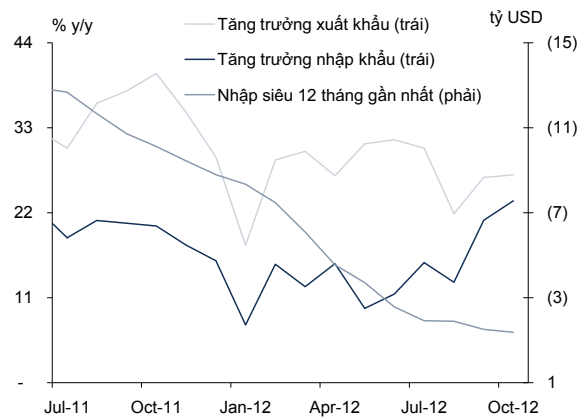


Nguồn: VFM



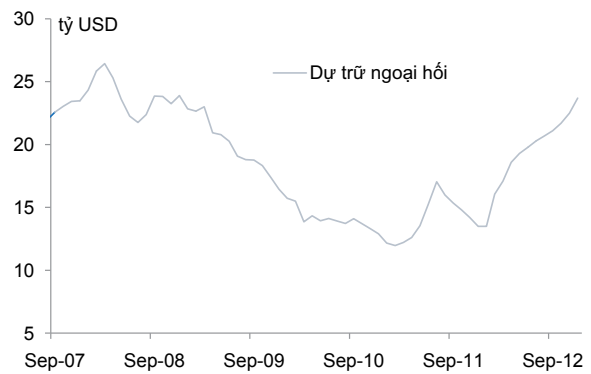
- Năm 2012 là năm có thặng dư thương mại ở mức 400 triệu Đô la Mỹ. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao ở mức 18,3%. Mức tăng trưởng xuất khẩu trên là vượt trội so với nhiều nước mạnh về xuất khẩu như Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan và Indonesia... trong tình hình kinh tế thế giới suy giảm.
- Dự trữ ngoại hối tăng đạt tới mức trên 12 tuần giá trị nhập khẩu.
- Tỷ giá giữa đồng Đô la Mỹ và đồng Việt Nam được duy trì ổn định trong khoảng thời gian dài. Đặc biệt là kể từ sau tháng 2/2012 gần như không có sự chênh lệch giữa tỷ giá chính thức và tỷ giá trên thị trường tự do. Xuất khẩu đang tăng trưởng tốt, thâm hụt thương mại giảm mạnh cùng với dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng cho thấy tỷ giá sẽ không biến động nhiều trong thời gian tới. Dự kiến mức độ biến động tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ trong năm 2013 sẽ ở mức 3%.
- Thanh khoản của hệ thống ngân hàng được cải thiện đáng kể thể hiện qua sự suy giảm mạnh của lãi suất liên ngân hàng, lãi suất cho vay kỳ hạn một tháng hiện trong khoảng 4%-5%.
- Các vấn đề liên quan tới nợ xấu của hệ thống ngân hàng đã được xác định và các phương án giải quyết đang được xác định trong quý 1/2013. Việc thành lập công ty mua bán nợ sẽ góp phần đáng kể cho việc thúc đẩy giải quyết nợ xấu.
- Các số liệu theo dõi tình hình sản xuất đã cho thấy sự tăng trưởng trở lại từ tháng 11/2012. Chỉ số PMI do ngân hàng HSBC cung cấp đã tiệm cận mức 50 điểm vào tháng 12/2012 và vượt trên 50 điểm vào tháng 1/2013.

- Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong năm 2013, chính phủ đã có các chỉ đạo quyết liệt để giải quyết vấn đề tiếp cận nguồn vốn cho các doanh nghiệp thông qua việc tăng cấp tín dụng và giảm lãi suất. Bên cạnh đó hàng loạt các hỗ trợ thông qua chính sách thuế sẽ được áp dụng trong năm 2013.
- Trong năm 2013, mục tiêu kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô vẫn được đặt hàng đầu đối với hoạt động điều hành của chính phủ. Trong mục tiêu đã được thông qua, chính phủ đã chọn phương án tăng trưởng thấp và đề cao ưu tiên kiềm chế lạm phát. Kiên định với mục tiêu này, các chính sách của chính phủ sẽ thúc đẩy sự phục hồi của nền kinh tế và tăng trưởng trong dài hạn.



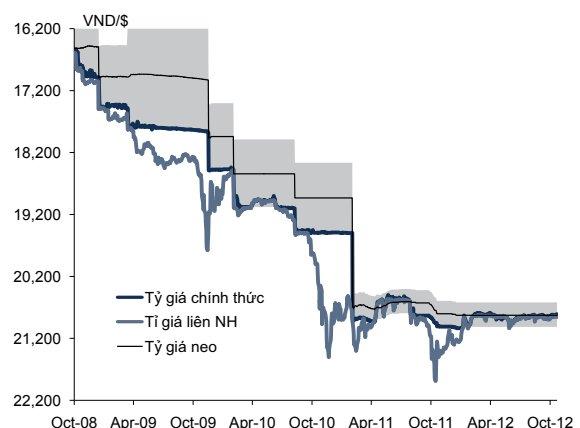
**Xuất nhập khẩu của Việt Nam**

Nguồn: Dragon Capital/VFM



**Dự trữ ngoại hối**

Nguồn: IMF, Ước tính của VFM

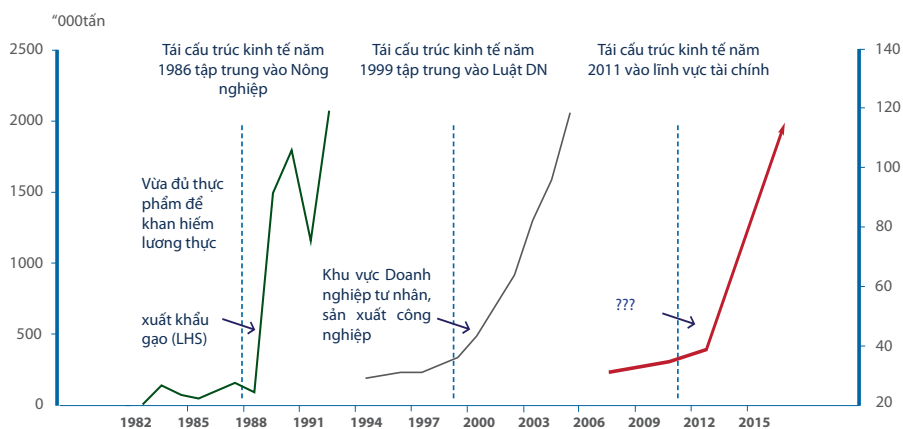


**Tỷ giá USD/VND**

Nguồn: Ngân Hàng Nhà Nước, Dragon Capital

Vượt qua các khó khăn trước mắt, nền kinh tế Việt Nam đang hướng đến một chu kỳ tăng trưởng mới trong trung hạn:

- Biến động của nền kinh tế là phù hợp với diễn biến của giai đoạn giảm vay nợ cho nền kinh tế (bắt đầu từ đầu năm 2012 với việc ban hành Nghị quyết 11 của Chính phủ). Nền kinh tế Việt nam đang đi vào giai đoạn tăng trưởng chậm để hoàn tất điều chỉnh nền kinh tế. Kinh nghiệm các nước cho thấy sau giai đoạn suy yếu hiện nay, kinh tế Việt nam sẽ đi vào giai đoạn tăng trưởng mạnh trở lại khi Chính phủ tiến hành tái cấu trúc nền kinh tế. Dự kiến kinh tế Việt nam sẽ đi vào chu kỳ phát triển mới từ năm 2014.
- Chính phủ đang tích cực tái cơ cấu nền kinh tế, lịch sử cho thấy nền kinh tế Việt nam có sự tăng trưởng khả quan sau các lần tái cơ cấu kể từ năm 1986 trở lại đây.



Tăng trưởng kinh tế sau các giai đoạn cải cách

Nguồn: Dragon Capital

## 2. CƠ HỘI ĐẦU TƯ THEO PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG (QUANTITATIVE ANALYSIS) - ĐẦU TƯ THEO XU THẾ THỊ TRƯỜNG (TREND FOLLOWING)

Phương pháp đầu tư theo phân tích định lượng bắt đầu vào những năm 80 tại Mỹ, với nguyên tắc sử dụng các mô hình toán học trên hệ thống máy tính để tìm kiếm cơ hội sinh lời từ khối lượng thông tin và dữ liệu khổng lồ. Nguồn thông tin dữ liệu dùng để phân tích có thể bao gồm các dữ liệu cơ bản (fundamental analysis data) và dữ liệu từ phân tích kỹ thuật (technical analysis data). Mức độ lợi nhuận và rủi ro của mô hình đầu tư theo phân tích định lượng không tương quan với mức độ lợi nhuận và rủi ro của mô hình đầu tư theo phương pháp truyền thống. Kể từ khi bắt đầu phổ biến vào những năm 80, mô hình đầu tư theo phân tích định lượng phát triển nhanh chóng với sự tiến bộ của máy tính, những nghiên cứu khoa học ứng dụng vào đầu tư cũng như sự thành công của các Quỹ đầu tư định lượng. Theo thống kê hiện nay, khoảng một nửa số tài sản của các quỹ phòng vệ rủi ro (hedge fund) được quản lý bằng phương pháp phân tích định lượng. Hơn một nửa tổng số lệnh mua bán cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán lớn xuất phát từ các mô hình định lượng. Tất cả những ngân hàng đầu tư hàng đầu đều có bộ phận đầu tư định lượng chuyên nghiệp. Và các trường đại học hàng đầu trên thế giới đều có những cuộc thảo luận thường xuyên xung quanh những vấn đề trong phân tích định lượng.

Hiện nay, có khoảng 4 loại chiến lược đầu tư sử dụng phương pháp định lượng trên thế giới:

- Đầu tư định lượng theo xu hướng thị trường – Trend following
- Đầu tư vào các sản phẩm chứng khoán phái sinh – Derivatives/ Convertible Bond
- Mua bán với tần suất cao/ Mua bán hoàn toàn dựa trên thuật toán/ – High Frequency/ Algorithmic Trading
- Mua bán dựa trên chênh lệch tương đối có tính thống kê – Statistical Arbitrage/ Statistical Trading

Bốn loại chiến lược này có thể sử dụng đòn bẩy tài chính cao hoặc thấp (High Leverage or Low Leverage), sử dụng chiến lược tương quan hoặc không tương quan với thị trường (Directional or Market Neutral). Đối với thị trường Việt Nam, do đặc thù chưa có các quy định về bán khống (short sale) và các sản phẩm phái sinh chưa được phát triển nên chỉ có chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường (Trend following) có khả năng được ứng dụng thành công.

## 2.1 Giới thiệu chiến lược đầu tư định lượng theo xu hướng thị trường (trend following)

Một trong những chiến lược đầu tư định lượng cơ bản là chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường (trend following). Chiến lược này dựa trên nguyên tắc tham gia thị trường khi có xu thế tăng (mua) hoặc giảm (bán khống) và xu thế này là dài hạn và rõ ràng. Đồng thời chốt lời khi xu thế này đảo chiều hoặc không còn và thị trường đi vào thời kỳ ít biến động (sideways). Bên cạnh nguyên tắc chính này, chiến lược quản lý rủi ro qua các cơ chế cắt lỗ, phân bổ tài sản và đa dạng hóa đầu tư vẫn được lượng hóa và áp dụng.

Với việc mang lại hiệu quả đầu tư cao, mô hình này đã và đang được sử dụng rộng rãi trong cộng đồng đầu tư trên thế giới. Một ví dụ kinh điển cho sự thành công của chiến lược đầu tư theo xu thế là mô hình "Turtle", được sáng lập bởi Richard Dennis và William Eckard. Hệ thống này được nhiều quỹ đầu tư và ngân hàng đầu tư trên thế giới áp dụng thành công, điển hình là Quỹ MAN với tổng tài sản quản lý là 40 tỷ đô la, Chesapeake Capital với tổng tài sản quản lý hơn 1 tỷ đô la đang được quản lý bởi Jerry Parker, một trong những học trò của Richard Dennis và William Eckard.

## 2.2 Chiến lược đầu tư định lượng theo xu thế thị trường tại Việt Nam

Một số bài viết nghiên cứu khoa học đã chứng minh chiến lược đầu tư định lượng theo xu thế thị trường phát huy tác dụng tốt hơn tại các thị trường mới nổi (emerging market) như Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan... so với thị trường lâu đời (developed market) như Mỹ và Châu Âu... do sự biến động ở những thị trường mới nổi là khá lớn nên các xu thế thị trường trở nên rõ ràng hơn. Cơ hội đầu tư tại Việt Nam sử dụng phương pháp đầu tư này có tiềm năng lớn trong việc mang lại hiệu quả đầu tư cao nhờ tính biến động mạnh ở một thị trường đang từng bước hoàn thiện với sự xuất hiện của các đợt xu thế lớn, với tính thanh khoản ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, việc thực hiện đầu tư theo xu hướng thị trường tại Việt Nam cũng có những hạn chế có thể ảnh hưởng đến kết quả đầu tư như nguồn dữ liệu hạn chế, chưa có cơ chế bán khống (short sale) để lợi dụng xu hướng đi xuống của thị trường và thị trường tài chính phát triển khác (như thị trường ngoại hối, thị trường lãi suất, thị trường hàng hóa) để thực hiện đa dạng hóa.

Hiện tại, công ty VFM đã nghiên cứu và ứng dụng thành công chiến lược đầu tư theo xu hướng trên thị trường chứng khoán Việt Nam, đồng thời giảm thiểu những hạn chế nói trên bằng cách áp dụng những công cụ của phương pháp Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) và lý thuyết Thông tin (Information Theory) vào trong mô hình đầu tư. Với những bước thành công đầu tiên này, triển vọng của chiến lược phân tích định lượng là rất lớn trong tương lai đối với thị trường Việt Nam.

### CHƯƠNG III: THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty quản lý quỹ VFM được thành lập với tên gọi ban đầu là công ty Liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VietFund Management) theo Giấy phép số 01/GPĐT-UBCKNN ngày 15/7/2003 của UBCKNN, là công ty liên doanh đầu tiên tại Việt Nam chuyên về quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, và quản lý danh mục đầu tư, với các bên liên doanh sáng lập là Công ty Dragon Capital Management và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Ngày 08/01/2009, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận việc chuyển đổi loại hình của Công ty quản lý quỹ VFM từ Công ty liên doanh thành Công ty cổ phần với tên gọi mới là Công ty Cổ phần quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VietFund Management) theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009, có hiệu lực kể từ ngày ký.

Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan (nếu có).

Công ty quản lý quỹ VFM đặt trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại Hà Nội có các cổ đông nắm giữ là Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), Công ty Dragon Capital Management và Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HSC).

Hiện nay, Công ty quản lý quỹ VFM đang quản lý tổng tài sản hơn 2.000 tỷ đồng (tính đến 31/12/2012) với gần 8.000 nhà đầu tư là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước thông qua các sản phẩm quỹ: Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VF1), Quỹ đầu tư tăng trưởng Việt Nam (VF2), Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VF4), Quỹ đầu tư Năng Động Việt Nam (VFA) và một số nguồn vốn ủy thác khác.

Công ty quản lý quỹ VFM hiện có 11 nhân viên đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ với thời gian trung bình làm việc của các nhân viên này tại VFM là khoảng 8 năm.

### CHƯƠNG IV: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

**Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) có trụ sở tại:**

**Địa chỉ:** Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**Điện thoại:** (84-8) 38292288, Fax: (84-8) 62563635

Là Ngân Hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập số 235/GP- NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 18/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 18/03/2008, và công văn số 2369/UBCK-QLKD do UBCKNN cấp ngày 17/12/2008 về việc chấp thuận chuyển đổi giấy chứng nhận hoạt động lưu ký cho Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ.

### CHƯƠNG V: CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ đề xuất ít nhất 02 Công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ VFMVFA, để đảm bảo tính chính xác các số liệu báo cáo cho Nhà đầu tư.

Công ty kiểm toán dự kiến của Quỹ VFMVFA sẽ là Công ty Kiểm toán Ernst & Young hoặc Công ty KPMG hoặc Công ty PriceWaterHouse Cooper (PwC).

## CHƯƠNG VI: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Tùy theo quy mô phát triển của Quỹ VFMVFA, công ty quản lý quỹ VFM sẽ lựa chọn Đại lý phân phối và/hoặc Đại lý ký danh. Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Năng Động Việt Nam(VFMVFA) được phân phối thông qua các đại lý chính thức sau:

### 1. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM – VIETFUND MANAGEMENT

#### *Trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh*

- Địa chỉ : Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Q.1, TP. HCM, Việt Nam.
- Điện thoại : (08) 3825 1488
- Fax : (08) 3825 1489

### 2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH – HSC

#### *Trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh*

- Địa chỉ : Lầu 5-6 Tòa nhà A&B, 76 Lê Lai, Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại : (08) 3823 3299
- Fax : (08) 3823 3301

#### *Chi nhánh tại Hà Nội:*

- Địa chỉ : Lầu 4-5, toà nhà 66A Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại : (04) 3922 4693
- Fax : (04) 3933 4822

Danh sách các Đại lý phân phối chỉ định và địa điểm tiếp nhận giao dịch sẽ được cập nhật đến nhà đầu tư thường xuyên khi có sự thay đổi.

## CHƯƠNG VII: TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Tổ chức uỷ quyền cho hoạt động: Dịch vụ quản trị Quỹ và Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

### **Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)**

**Địa chỉ:** Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**Điện thoại:** (84-8) 38292288, Fax: (84-8) 62563635

Là Ngân Hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập số 235/GP- NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 18/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 18/03/2008, và công văn số 2369/UBCK-QLKD do UBCKNN cấp ngày 17/12/2008 về việc chấp thuận chuyển đổi giấy chứng nhận hoạt động lưu ký cho Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

## CHƯƠNG VIII : PHƯƠNG THỨC GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ VFMVFA SAU KHI ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI

### 1. CHUYỂN ĐỔI TÀI KHOẢN GIAO DỊCH VÀ XÁC NHẬN SỞ HỮU CHỨNG CHỈ QUỸ VFMVFA CHO NHÀ ĐẦU TƯ SAU KHI CHUYỂN ĐỔI.

Công ty quản lý quỹ VFM sẽ có thông báo hướng dẫn nhà đầu tư đến các Đại lý Phân phối chỉ định (được nêu trong Bản cáo bạch) tiến hành thủ tục mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở sau khi Quỹ VFMVFA được UBCKNN cấp giấy phép chính thức chuyển sang quỹ mở. Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở của nhà đầu tư sẽ được mở và quản lý tại đơn vị cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền.

Trường hợp những thông tin sẵn có của nhà đầu tư trong danh sách chuyển đổi do TTLK cung cấp không đáp ứng đủ theo luật định của quỹ mở, nhà đầu tư cần tiến hành bổ sung các thông tin liên quan tại các Đại lý Phân phối chỉ định trước khi thực hiện các giao dịch chứng chỉ quỹ mở đầu tiên.

Số lượng chứng chỉ quỹ VFA mà nhà đầu tư sở hữu tại ngày giao dịch cuối cùng của Quỹ VFA dạng đóng theo danh sách được cung cấp bởi TTLK sẽ được ghi nhận tại tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở của nhà đầu tư.

### 2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VFMVFA

Bảng dưới đây thể hiện tình hình hoạt động của Quỹ VFMVFA trong quá khứ. Các chỉ số thể hiện tình hình hoạt động của Quỹ VFMVFA bao gồm các chỉ số về NAV, lợi nhuận, chi phí, vòng quay vốn đầu tư, các chỉ số về rủi ro của Quỹ VFMVFA và lợi nhuận, rủi ro của các chỉ số VN-Index và HNX-Index trong cùng kỳ. Lợi nhuận của Quỹ VFMVFA đã bao gồm cổ tức, lãi suất từ tiền gửi và trái phiếu và đã trừ đi chi phí hoạt động (phí quản lý, phí lưu ký giám sát, ...) tuy nhiên chưa bao gồm các chi phí liên quan đến hoạt động quỹ mở (phí phát hành, phí mua lại, phí chuyển đổi, ...). Kết quả hoạt động trong quá khứ không bảo đảm kết quả lợi nhuận trong tương lai.

		2010	2011	2012
Quy mô quỹ (tỷ đồng)		240,4	240,4	204,4
NAV (tỷ đồng)		221,4	171,7	172,2
NAV/ccq (đồng)		9.209,0	7.139,5	7.163,5
NAV/ccq cao nhất 52 tuần (đồng)		10.253,0	9.741,3	7.641,6
NAV/ccq thấp nhất 52 tuần (đồng)		8.533,0	7.139,5	6.866,3
Tổng chi phí (tỷ đồng)		4,6	5,0	4,9
Chi phí/ tài sản bình quân (%)		2,1	2,6	2,8
Vòng quay vốn đầu tư (%)		243,3	177,2	111,8
Tăng trưởng lũy kế từ khi hoạt động (2/4/2010)	VFMVFA (%)	(7,9)	(28,6)	(28,4)
	VN-Index (%)	(5,1)	(31,1)	(19,0)
	HNX-Index (%)	(30,4)	(64,2)	(65,2)
Tăng trưởng năm (%)	VFMVFA (%)	(7,9)	(22,5)	0,3
	VN-Index (%)	(5,1)	(27,5)	17,7
	HNX-Index (%)	(30,4)	(48,6)	(2,8)

	2010	2011	2012
<b>Các chỉ tiêu về rủi ro:</b>			
Độ lệch chuẩn			
VFMVFA (%)	14,6	11,8	9,3
VN-Index (%)	18,7	20,7	19,4
HNX-Index (%)	31,4	22,9	26,0
Mức giảm tối đa từ đỉnh (Maximum Drawdown)			
VFMVFA (%)	18,3	27,1	11,3
VN-Index (%)	22,9	33,4	23,1
HNX-Index (%)	48,8	50,4	39,5
<b>Các chỉ tiêu về lợi nhuận/ rủi ro:</b>			
Hệ số Sharpe			
VFMVFA	(1,3)	(3,0)	(0,9)
VN-Index	(0,8)	(2,0)	0,4
HNX-Index	(1,6)	(3,2)	(0,3)
Lợi nhuận trên mức giảm tối đa (Return to maximum drawdown)			
VFMVFA	(0,4)	(0,8)	0,0
VN-Index	(0,2)	(0,8)	0,8
HNX-Index	(0,6)	(1,0)	(0,1)

### 3. TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ĐỢT PHÁT HÀNH CỦA QUỸ SAU CHUYỂN ĐỔI

- Tên Quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM (VFMVFA)
- Tên tiếng Anh: Vietnam Active Fund
- Tên viết tắt: Quỹ VFMVFA
- Hình thức của Quỹ: Quỹ công chúng dạng mở
- Nhà đầu tư của Quỹ: Là nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân trong và ngoài nước Việt Nam
- Thời hạn hoạt động của Quỹ: Không giới hạn
- Vốn lưu động tối thiểu: 50.000.000.000 (năm mươi tỷ) đồng
- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam Đồng
- Giá trị đăng ký mua tối thiểu: 10.000.000 (mười triệu đồng)
- Mục tiêu/chiến lược đầu tư: Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFA là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following)
- Hình thức sở hữu: Bút toán ghi sổ hoặc lưu giữ điện tử
- Địa điểm phát hành:

#### **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)**

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam.

#### **Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)**

Tầng 9, Phòng 903, Tòa nhà Văn phòng Trung tâm Hà Nội, 44B Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Các đối tác có liên quan đến các đợt phát hành tiếp theo:

Tổ chức phát hành	:	Quỹ Đầu tư Năng Động Việt Nam(VFMVFA)
Đại diện phát hành	:	Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	:	Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
Công ty kiểm toán dự kiến	:	Công ty Kiểm toán Ernst & Young hoặc Công ty KPMG hoặc Công ty PriceWaterHouse Cooper (PwC)
Hệ thống Đại lý phân phối	:	Chi tiết về địa chỉ và chi nhánh của các đại lý phân phối được nêu trong Phụ lục 1 của Bản cáo bạch chính thức.

- Phương thức đăng ký:

Việc đăng ký mua chứng chỉ quỹ VFMVFA được coi là hoàn tất khi:

- o Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào **Giấy đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở**, kèm theo các giấy tờ, hồ sơ theo yêu cầu (CMND/hộ chiếu/GPKD, giấy uỷ quyền có công chứng (nếu có), giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn, mua cổ phần- CCA (đối với nhà đầu tư nước ngoài)...);
  - o Nhà đầu tư hoặc người được uỷ quyền điền đầy đủ thông tin đăng ký mua chứng chỉ quỹ vào **Phiếu đăng ký mua chứng chỉ quỹ mở**;
  - o Nộp đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ vào tài khoản của Quỹ trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Quỹ VFMVFA sẽ không niêm yết giao dịch chứng chỉ quỹ trên Sở Giao dịch Chứng khoán. Nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ tại Đại lý phân phối chỉ định.

## 4. CÁCH THỨC GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

### 4.1 Quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ

#### a. Thời gian giao dịch chứng chỉ quỹ

- Ngày giao dịch đầu tiên sẽ được thực hiện không chậm hơn 30 (ba mươi) ngày kể từ Quỹ VFMVFA được UBCKNN cấp giấy phép chuyển đổi sang quỹ mở. Tần suất giao dịch được tổ chức định kỳ 2 (hai) lần trong 1 (một) tháng, vào ngày thứ Sáu thứ hai và thứ Sáu thứ tư hàng tháng (tức ngày T);
- Nếu ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ Lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền sau đó. Công ty quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi có các dịp lễ tết xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

#### b. Thời điểm đóng sổ lệnh

- Là 10g30 phút sáng ngày T-1 trong đó ngày T là ngày định giá và ngày giao dịch chứng chỉ quỹ;
- Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận Phiếu lệnh đặt mua/bán/chuyển đổi chứng chỉ quỹ và xác nhận tiền mua chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư đã được chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ;
- Trong trường hợp ngày đóng sổ lệnh rơi vào ngày ngày nghỉ Lễ thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Công ty quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi có các dịp Lễ Tết xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

#### c. Hủy lệnh giao dịch:

- Các lệnh giao dịch (mua, bán, chuyển đổi) có thể được hủy trước Thời điểm đóng sổ lệnh. Việc thực hiện hủy lệnh sau Thời điểm đóng sổ lệnh được xem là không hợp lệ;
- Các lệnh giao dịch đã đăng ký trước đó không được hủy một phần;
- Việc hủy lệnh phải được thực hiện tại các Đại lý Phân phối mà nhà đầu tư đã đăng ký giao dịch, và phải trước Thời điểm đóng sổ lệnh;
- Trong trường hợp nhà đầu tư hủy lệnh Mua chứng chỉ quỹ sau khi đã chuyển số tiền đăng ký mua vào tài khoản



Quý trước thời điểm đóng sổ lệnh, thì số tiền này sẽ được hoàn trả cho nhà đầu tư chậm nhất năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Các phí ngân hàng phát sinh từ việc hoàn trả lại tiền trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư chịu.

*d. Thời hạn xác nhận giao dịch:*

- Là thời điểm chậm nhất ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+3), tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và cung cấp thông tin cho Đại lý phân phối để gửi nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch.

*e. Thời hạn thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư:*

- Là thời điểm chậm nhất là năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+5), tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ chuyển tiền thanh toán bán chứng chỉ quỹ trực tiếp từ tài khoản Quý đến tài khoản của nhà đầu tư sau khi có kết quả giao dịch chứng chỉ Quỹ.

*f. Thời hạn duy trì tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở:*

- Trong trường hợp tài khoản của nhà đầu tư có số dư bằng không (0) và không có bất kỳ giao dịch nào trong vòng một (01) năm, tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở VFMVFA sẽ được Công ty Quản lý Quỹ tự động khoá (inactive) cho đến khi nhà đầu tư yêu cầu kích hoạt lại tài khoản giao dịch và cập nhật những thông tin mới trên tài khoản tại các Đại lý Phân phối.

## 4.2 Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ

- Giá giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVFA sẽ được xác định tại ngày giao dịch (ngày T) và công bố đến nhà đầu tư trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ và theo các quy định về Công bố thông tin.
- Giá giao dịch một đơn vị quỹ được xác định như sau:
  - **Giá bán/ Giá phát hành:** tại các kỳ giao dịch sau khi Quý được chuyển đổi là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ.  
Giá phát hành này được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng thêm phí phát hành chứng chỉ quỹ tại các kỳ giao dịch sau khi chuyển đổi.
  - **Giá mua lại:** là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư.  
Giá mua lại được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi phí mua lại.
- Giá trị tài sản ròng của Quý sẽ được xác định vào ngày thứ Sáu hàng tuần và được công bố đến nhà đầu tư trong vòng một (01) ngày làm việc kể tiếp trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ và theo các quy định về Công bố thông tin.

## 4.3 Thực hiện giao dịch mua chứng chỉ quỹ

- Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch mua khi đã hoàn tất thủ tục mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ VFMVFA tại các Đại lý phân phối chỉ định.
- Giá trị giao dịch của lệnh mua không được nhỏ hơn giá trị mua tối thiểu là 10.000.000 (mười triệu) đồng.
- Lệnh giao dịch mua chứng chỉ quỹ mở phải được điền đầy đủ thông tin và được gửi đến Đại lý phân phối chỉ định trước Thời điểm đóng sổ lệnh, và tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ đã được chuyển đến tài khoản của Quý VFMVFA trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Trong trường hợp tổng số tiền thanh toán lệnh mua ít hơn hoặc nhiều hơn số tiền đăng ký ghi trong Lệnh mua, và không thấp hơn giá trị mua tối thiểu, thì số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối sẽ căn cứ vào tổng số tiền thực tế đã được thanh toán.
- Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối sau khi đăng ký được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times (1 - \text{Phí phát hành}(\%))}{\text{NAV của đơn vị quỹ tại ngày giao dịch}}$$

- Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

- Việc thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ phải được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản của nhà đầu tư đến tài khoản của Quỹ VFMVFA tại Ngân hàng Giám sát bằng tiền Đồng Việt Nam.

#### 4.4 Thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ

- Lệnh giao dịch bán phải được điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký bán chứng chỉ quỹ và được gửi đến Đại lý phân phối chỉ định trước Thời điểm đóng sổ lệnh.
- Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán không được thấp hơn một trăm (100) chứng chỉ quỹ và số lượng đơn vị quỹ còn lại sau giao dịch phải lớn hơn hoặc bằng số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu duy trì tài khoản là một trăm (100) chứng chỉ quỹ.
- Trong trường hợp số lượng đăng ký bán dẫn tới số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, thì nhà đầu tư phải thực hiện đăng ký bán toàn bộ số chứng chỉ quỹ còn lại cùng lúc tại kỳ giao dịch này.
- Lệnh bán có thể không được thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Chương X, mục 4.6– “thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ” của Bản cáo bạch này.
- Số tiền bán chứng chỉ quỹ được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị Bán được nhận} = \text{Số lượng CCQ được mua lại} \times \text{NAV của đơn vị quỹ tại ngày giao dịch} \times (1 - \text{Phí mua lại}(\%))$$

- Việc thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của nhà đầu tư chậm nhất là năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+5). Tổng số tiền thanh toán sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Nhà đầu tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán áp dụng theo quy định của pháp luật.

#### 4.5 Thực hiện giao dịch chuyển đổi các chứng chỉ quỹ mở

- Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các quỹ mở khi công ty quản lý có từ hai (02) quỹ mở trở lên.
- Công ty quản lý quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến loại giao dịch này và thông tin cụ thể đến nhà đầu tư thông qua trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống đại lý phân phối.

#### 4.6 Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:
  - a. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc
  - b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh của nhà đầu tư dẫn tới:
    - Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ có thể đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư cho đến khi giá trị tài sản ròng của quỹ bằng đúng năm mươi (50) tỷ đồng.
  - c. Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của nhà đầu tư không thể thực hiện được do:
    - Tính thanh khoản của thị trường thấp,
    - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ VFMVFA bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Đối với việc thực hiện một phần lệnh giao dịch theo quy định tại khoản 1 của mục 4.6 nêu trên, công ty quản lý quỹ áp dụng nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ.
  - Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ không vi phạm các điều kiện đáp ứng việc mua lại một phần lệnh bán của nhà đầu tư

theo quy định tại khoản (a) và (b) tại (1) nêu trên. Số lượng chứng chỉ quỹ được mua lại trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$Xi = SLDKi * \frac{SLTT}{\sum SLDKi}$$

Trong đó:

**Xi:** số lượng chứng chỉ quỹ thực tế của nhà đầu tư (i) được thực hiện (hay số lượng chứng chỉ quỹ khớp lệnh bán). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

**SLDKi:** số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đăng ký bán.

**SLTT:** tổng số lượng chứng chỉ quỹ mà công ty Quản lý quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán của nhà đầu tư.

**Σ SLDKi:** tổng số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán trong kỳ.

- Nếu phần lệnh còn lại chưa được thực hiện lớn hơn hoặc bằng số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản (là 100 chứng chỉ quỹ) và các lệnh tới sau thời gian chốt lệnh sẽ tự động bị hủy trong cùng kỳ giao dịch. Nếu nhà đầu tư muốn thực hiện tiếp các lệnh bán của mình thì nhà đầu tư tiến hành đăng ký giao dịch tại kỳ giao dịch kế tiếp.
  - Nếu phần lệnh còn lại chưa được thực hiện thấp hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản (là 100 chứng chỉ quỹ), số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trong tài khoản này sẽ được tự động ưu tiên thực hiện bán hết vào kỳ giao dịch kế tiếp.
3. Chứng chỉ quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
  - Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
  - Các sự kiện khác mà Ủy ban chứng khoán nhà nước xét thấy là cần thiết.

Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định trên, công ty quản lý quỹ sẽ tổ chức họp để lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

#### 4.7 Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)

- Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) chứng chỉ quỹ VFMVFA cho một cá nhân/tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý phân phối chỉ định.
- Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu đăng ký và cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật cho Đại lý phân phối trước Thời điểm chốt số lệnh của mỗi kỳ giao dịch.
- Nhà đầu tư không phải thanh toán phí chuyển nhượng phi thương mại cho Công ty Quản lý Quỹ.
- Nhà đầu tư có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

#### 5. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN TỪ NHÀ ĐẦU TƯ

- Nhà đầu tư có thể ủy quyền cho một cá nhân khác thực hiện đặt các lệnh giao dịch mua/bán/chuyển đổi/hủy giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVFA.
- Người được ủy quyền để đại diện giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 6 Điều 9 Quyết định 121/2008/QĐ-BTC ngày 2/12/2008 về việc ban hành quy chế hoạt động của

nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Nhà đầu tư phải điền thông tin người được uỷ quyền vào Giấy đăng ký giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVFA về việc uỷ quyền cho người thứ hai thực hiện các quyền và nghĩa vụ, và nộp đầy đủ các giấy tờ, hồ sơ theo yêu cầu. Thông tin người được uỷ quyền sẽ không được thay đổi cho đến khi nhà đầu tư đăng ký lại người được uỷ quyền tại các Đại lý phân phối.

## 6. QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THỰC HIỆN THANH TOÁN TIỀN MUA CHỨNG CHỈ QUỸ VFMVFA

- Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức trong nước thanh toán tiền mua chứng chỉ Quỹ VFMVFA bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Quỹ VFMVFA.
- Người không được uỷ quyền chính thức của nhà đầu tư sẽ không được thực hiện việc đăng ký mua chứng chỉ quỹ VFMVFA hay chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ thay cho nhà đầu tư dưới mọi hình thức.
- Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài theo định nghĩa trong Quyết định số 121/2008/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính và Quyết định 03/2004/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước phải thực hiện chuyển khoản từ chính "tài khoản góp vốn, mua cổ phần" (CCA) của nhà đầu tư vào tài khoản của Quỹ VFMVFA đối với việc đăng ký mua chứng chỉ quỹ VFMVFA. Nhà đầu tư phải nộp giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn, mua cổ phần (CCA) cho Đại lý phân phối tại thời điểm đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở.
- Việc chuyển khoản mua chứng chỉ quỹ VFMVFA được chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng nào khác ngoài "tài khoản góp vốn, mua cổ phần" (CCA) sẽ được xem là giao dịch không hợp lệ. Nhà đầu tư nước ngoài phải tự chịu trách nhiệm nếu số tiền chuyển khoản mua chứng chỉ quỹ VFMVFA không được chuyển khoản từ "tài khoản góp vốn, mua cổ phần" (CCA) theo quy định của pháp luật.

## 7. CÁC TRƯỜNG HỢP GIAO DỊCH KHÔNG HỢP LỆ

Những trường hợp sau đây được xem là giao dịch không hợp lệ:

### 7.1 Các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ

- a. Nhà đầu tư/người được uỷ quyền hợp pháp thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ sau thời điểm đóng sổ lệnh.
- b. Nhà đầu tư/người được uỷ quyền hợp pháp thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ mà không ghi phiếu đặt lệnh mua chứng chỉ quỹ tại Đại lý phân phối.
- c. Tiền đăng ký mua được thực hiện không phải từ nhà đầu tư hoặc người được uỷ quyền hợp pháp.
- d. Số tiền thanh toán mua thấp hơn số tiền đăng ký mua tối thiểu là 10.000.000 (mười triệu đồng).

Công ty quản lý Quỹ sẽ chỉ thị ngân hàng giám sát chuyển trả lại số tiền này đối với các giao dịch không hợp lệ.

Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch không hợp lệ này sẽ do nhà đầu tư chịu. Thời hạn trả tiền lại cho nhà đầu tư được thực hiện sau 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

### 7.2 Các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ

- a. Số lượng chứng chỉ quỹ đặt bán nhiều hơn số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đang sở hữu.
- b. Số lượng đặt bán dẫn đến số lượng chứng chỉ Quỹ còn lại trong tài khoản lớn hơn không (0) nhưng thấp hơn mức sở hữu tối thiểu quy định.
- c. Lệnh bán được thực hiện sau thời điểm đóng sổ lệnh của Quỹ.

## CHƯƠNG IX: CÁC RỦI RO KHI ĐẦU TƯ VÀO QUỸ

Việc đầu tư vào một quỹ sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một ngân hàng giám sát hay bất kỳ tổ chức nào, về việc quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra.

Đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán có nghĩa là nhằm vào mục tiêu tạo ra những khoản thu nhập sau một khoảng thời gian dài. Các nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được các khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.

Dưới đây là những yếu tố rủi ro chủ yếu mà nhà đầu tư nên quan tâm khi đầu tư vào Quỹ VFMVFA và đây không phải là toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào quỹ.

## 1.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà quỹ đầu tư có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Điều này sẽ tác động đến hiệu quả của các khoản đầu tư của Quỹ VFMVFA. Rủi ro này thuộc rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ. Tuy nhiên, rủi ro này được giảm thiểu với cơ chế cắt lỗ trước khi thị trường giảm quá sâu.

## 1.2 Rủi ro của mô hình định lượng

Rủi ro này phát sinh khi thị trường có những thay đổi lớn làm ảnh hưởng đến hiệu quả của mô hình đầu tư. Tuy nhiên, mô hình áp dụng cho Quỹ VFMVFA được nghiên cứu và thử nghiệm (backtesting) khả năng thích ứng với nhiều điều kiện khác nhau của thị trường (robustness). Đồng thời cơ chế tu sửa mô hình cũng được xây dựng song song nhằm dự phòng cho những kịch bản thị trường có những thay đổi lớn và phức tạp.

## 1.3 Rủi ro tính thanh khoản của thị trường

Một trong những yếu tố quan trọng của Quỹ là việc đầu tư và thoát khỏi thị trường đúng thời điểm. Vì thế tính thanh khoản của thị trường đóng vai trò quan trọng đến lợi nhuận của Quỹ. Với mô hình đầu tư theo xu thế dựa vào phân tích định lượng, Quỹ sử dụng những thuật toán nhằm chọn lọc các cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất đồng thời tiếm cận hóa những vùng đỉnh và đáy của thị trường. Đây là những vùng mà tính thanh khoản vẫn còn khá tốt, đáp ứng được nhu cầu đầu tư vào và thực hiện hóa lợi nhuận của Quỹ.

## 1.4 Rủi ro về cơ sở dữ liệu

Do thị trường chứng khoán Việt Nam chỉ mới có hơn 10 năm lịch sử nên dữ liệu về những chu kỳ kinh tế ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán chưa đầy đủ. Đây là rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ. Mô hình được thử nghiệm trên cơ sở dữ liệu dài nhất có thể và được phân thành các chu kỳ nhỏ để kiểm tra khả năng thích ứng của mô hình.

## 1.5 Rủi ro mất khả năng thanh toán của đối tác

Rủi ro này liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người đảm bảo thanh toán của các loại chứng khoán nợ bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho quỹ các khoản lãi cũng như nợ gốc. Tại Việt Nam hiện nay chưa hình thành các tổ chức tài chính trung gian chịu trách nhiệm đánh giá hạn mức tín nhiệm của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

Để đảm bảo cơ cấu tài sản của Quỹ VFMVFA được phân bổ theo đúng mục tiêu và chiến lược đề ra, đồng thời vẫn đúng theo các quy định về đầu tư quỹ mở và duy trì thanh khoản cao, Quỹ đầu tư VFMVFA sẽ đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu chính phủ và nắm giữ tiền mặt khi Quỹ xuất hiện tín hiệu bán hoàn toàn danh mục. Các loại trái phiếu chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương có độ an toàn về khả năng thanh toán cao nên hạn chế được rủi ro này. Đối với giao dịch mua bán lại, bên cạnh việc đặt định mức hạn chế tỷ trọng, Quỹ VFMVFA có những cơ chế chọn lọc đối tác có tiềm lực tài chính vững mạnh và có uy tín lớn để thực hiện giao dịch mua bán lại nhằm hạn chế tối đa rủi ro mất khả năng thanh toán của đối tác.

## 1.6 Rủi ro pháp lý

Từ khi Việt Nam chính thức phát triển nền kinh tế theo hướng thị trường vào đầu thập niên 90, Chính phủ đã và đang hoàn thiện dần khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các hoạt động liên quan đến chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán và thị trường chứng khoán được Chính phủ điều chỉnh trong các văn bản pháp lý ban hành vào năm 1998. Năm 2006, trước sự bùng nổ của thị trường chứng khoán và việc gia nhập WTO của Việt Nam, nhiều văn bản pháp lý về thị trường chứng khoán đã được Chính phủ ban hành như Luật chứng khoán, các nghị định hướng dẫn, quy chế hoạt động... Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và TTCK. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ VFMVFA trong tương lai.

## 1.7 Rủi ro rút vốn

Hoạt động theo Quy chế Quỹ mở, nhà đầu tư có thể rút vốn theo nhu cầu thông qua lệnh bán chứng chỉ Quỹ VFMVFA. Tuy nhiên, khi tất cả các nhà đầu tư muốn rút một lượng tiền lớn so với quy định pháp luật về tỷ lệ rút vốn tối đa và so với quy mô thanh khoản của thị trường, việc chuyển đổi tỷ lệ lớn giá trị của Quỹ thành tiền mặt trong thời gian ngắn có thể dẫn đến giá trị tài sản đầu tư của quỹ giảm mạnh và ảnh hưởng đến giá trị thực tế nhà đầu tư được nhận. Do đó, nhu cầu rút vốn của nhà đầu tư có thể sẽ chỉ được đáp ứng một phần hoặc trong thời gian chậm hơn theo quy định.

Trong một số trường hợp bất khả kháng, nhà đầu tư có thể không được thực hiện lệnh bán chứng chỉ Quỹ VFMVFA trong thời gian chứng chỉ Quỹ được thông báo tạm ngừng giao dịch.

Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc kéo dài thời hạn thanh toán trong các trường hợp được quy định tại Chương X mục 4.6 – “thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ” trong cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ tại Bản cáo bạch này.

Khi việc thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư bị kéo dài hơn so với quy định do các lý do trên, Công ty quản lý Quỹ sẽ công bố thông tin về lý do và thời gian dự kiến để thực hiện bán cho nhà đầu tư.

## 1.8 Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty quản lý quỹ cũng sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do công ty quản lý quỹ điều hành. Rủi ro này thuộc dạng rủi ro không hệ thống, có thể kiểm soát được bằng cách thiết lập “tường lửa thông tin” nội bộ (Chinese Wall) nhằm hạn chế đến mức thấp nhất xung đột lợi ích giữa các quỹ đầu tư và sản phẩm tài chính đang được quản lý bởi công ty quản lý quỹ.

## 1.9 Thuế

Nhà đầu tư trong quá trình mua/bán chứng chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo Quy định của Pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ VFMVFA.

# CHƯƠNG X: PHÍ, LỆ PHÍ CỦA QUỸ

## 1. CÁC LOẠI PHÍ DO NHÀ ĐẦU TƯ TRẢ

### 1.1 Phí phát hành tại các lần giao dịch

- Là phí mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quỹ tại những kỳ giao dịch sau khi Quỹ được chuyển đổi thành quỹ mở. Phí này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) chứng chỉ Quỹ VFMVFA.
- Phí phát hành cho lần giao dịch tiếp theo là 1%/ tổng giá trị đăng ký mua.
- Trong trường hợp công ty quản lý quỹ có chính sách khuyến mại dẫn đến sự thay đổi phí phát hành trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và được nêu chi tiết tại Bảng thông báo phát hành được niêm yết tại các Đại lý phân phối và công ty quản lý quỹ.

### 1.2 Phí mua lại

- Là phí mà nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị quỹ tại mỗi kỳ giao dịch, sau khi Quỹ được chuyển đổi. Phí này được trừ đi trừ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được.
- Phí mua lại chứng chỉ quỹ tại những kỳ giao dịch tiếp theo được áp dụng như sau:
  - Phí mua lại là 2%/ giá trị bán thực hiện được, nếu thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ trong vòng 12 tháng (365 ngày) kể từ ngày mua.
  - Phí mua lại là 1%/ giá trị bán thực hiện được, nếu thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ từ trên 12 tháng (365 ngày) đến 24 tháng (730 ngày) kể từ ngày mua.

- Phí mua lại là 0,5%/ giá trị bán thực hiện được, nếu thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ trên 24 tháng (730 ngày) kể từ ngày mua.
- Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ được xác định theo nguyên tắc “mua trước bán trước” (FIFO).

### 1.3 Phí chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do công ty quản lý quỹ quản lý

- Nhà đầu tư phải trả phí chuyển đổi chứng chỉ quỹ khi nhà đầu tư đăng ký giao dịch chuyển đổi giữa chứng chỉ quỹ giữa các quỹ mở do công ty quản lý quỹ VFM quản lý tại mỗi kỳ giao dịch sau khi Quỹ được chuyển đổi.
- Nhà đầu tư không phải trả Phí phát hành và Phí mua lại chứng chỉ quỹ khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ.
- Phí chuyển đổi chứng chỉ quỹ là 0,3%/giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi.

## 2. CÁC LOẠI PHÍ DO QUỸ TRẢ

### 2.1 Phí chuyển đổi Quỹ VFMVFA từ dạng đóng sang dạng mở

- Là mức phí được trả một lần duy nhất khi Quỹ VFA chuyển đổi từ dạng đóng sang mở nhằm thực hiện việc chuyển đổi cơ sở dữ liệu về nhà đầu tư và để lưu ký các chứng chỉ quỹ tại Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Phí này được hạch toán vào Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ chấp thuận.

### 2.2 Phí quản lý quỹ thường niên

- Phí quản lý tối đa là 2%/giá trị tài sản ròng của Quỹ VFMVFA/năm tài chính. Phí này được trả cho công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ VFMVFA. Tỷ lệ phí quản lý sẽ được Công ty quản lý quỹ xác định trong từng giai đoạn nhưng phải đảm bảo tổng phí quản lý quỹ và các phí khác mà Quỹ chi trả cho công ty quản lý quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo mức phí áp dụng khi có sự thay đổi với Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng giám sát, đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch định kỳ gần nhất của Quỹ. Phí quản lý áp dụng cho giai đoạn ngay sau khi quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh sẽ được công ty quản lý quỹ thông báo tại Đại hội nhà đầu tư thành lập quỹ chuyển đổi.
- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính phí quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:  

$$\text{Phí quản lý cho kỳ định giá} = \text{Tỷ lệ phí quản lý quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính phí} \times \text{NAV tại ngày trước ngày định giá} \times \text{số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$$
- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì phí quản lý được xác định như sau:  

$$\text{Phí quản lý trong tháng} = [\text{Tỷ lệ phí quản lý quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính phí} \times \text{NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng} \times \text{số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)} + \text{Phí quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng} + [\text{Tỷ lệ phí quản lý quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính phí} \times \text{NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng} \times \text{số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}]$$

### 2.3 Phí giám sát và lưu ký

- Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí giám sát là 0,02% NAV/năm.

Phí lưu ký là 0,06% NAV/năm.

- Mức phí trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v....
- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính phí giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

$$\text{Phí giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá} = \text{Tỷ lệ \% phí giám sát, lưu ký (năm)} \times \text{NAV tại ngày trước ngày định giá} \times \text{số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$$

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì phí giám sát, lưu ký được xác định như sau:  
 Phí giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % phí giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366 + Phí giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % phí giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

## 2.4 Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ

- Phí giao dịch trả cho Ngân hàng lưu ký
  - Phí giao dịch chứng khoán là 150.000 đồng/ một giao dịch mua/ bán chứng khoán.
  - Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các giao dịch thực hiện trong tháng.
  - Tổng phí này sẽ được tính lại và điều chỉnh hàng năm sao cho tổng phí trong năm không vượt quá 0,15% NAV tại ngày 31/12 của năm.
- Phí giao dịch khác
  - Bao gồm các chi phí phải trả cho công ty chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ liên quan tới giao dịch tài sản của quỹ khác.
  - Các chi phí này sẽ được thanh toán theo thực tế phát sinh.

## 2.5 Phí dịch vụ quản trị quỹ

- Phí dịch vụ quản trị quỹ là mức phí do Quỹ VFMVFA trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
- Phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,035% NAV/năm và được chi trả hàng tháng.  
 Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính phí dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:  
 Phí dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì phí dịch vụ quản trị quỹ được xác định như sau:  
 Phí dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Phí dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

## 2.6 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng (Transfer Agency - TA)

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức phí do Quỹ VFMVFA chi trả hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm những dịch vụ được nêu tại khoản 2 Điều 42 của Điều lệ.

Gồm 2 nhóm phí như sau:

a. Nhóm phí tính trên NAV hoặc giá trị giao dịch gồm:

- Phí duy trì nhà đầu tư hàng năm là 0.04% NAV/ năm được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng và được trả hàng tháng.
- Công thức tính phí duy trì nhà đầu tư vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ x 100\%}}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo}}$$



Phí duy trì nhà đầu tư cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí duy trì nhà đầu tư (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì phí duy trì nhà đầu tư được xác định như sau:

Phí duy trì nhà đầu tư trong tháng = [Tỷ lệ % phí duy trì nhà đầu tư (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Phí duy trì nhà đầu tư của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % phí duy trì nhà đầu tư (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

- Phí đăng ký mua mới, mua lại, chuyển đổi là 0.03% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, chuyển đổi và được trả hàng tháng. Với năm đầu tiên, mức phí cho việc mua lại sẽ phải trả thêm là 0.12% trên giá trị giao dịch mua lại.
- Công thức tính phí đăng ký mua mới, mua lại, chuyển đổi vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí đăng ký mua mới, mua lại, chuyển đổi tư cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí đăng ký mua mới, mua lại, chuyển đổi x giá trị giao dịch.

b. Nhóm phí tính trên số lượng phát sinh thực tế:

- Phí thiết lập dữ liệu nhà đầu tư gồm tạo dữ liệu nhà đầu tư là 15.000 đồng mỗi nhà đầu tư và tạo dữ liệu đại lý phân phối là 1.000.000 đồng mỗi đại lý.
- Các chi phí khác như phí gửi thư số lượng lớn là 100.000 đồng mỗi nhà đầu tư...
- Các chi phí này sẽ được tổng hợp và trả hàng tháng.

Mức phí và phương pháp thanh toán phí được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.

✕ **Tổng mức phí tối thiểu và tối đa của phí lưu ký, giám sát, phí quản trị quỹ và phí đại lý chuyển nhượng**

- Tổng mức phí tối thiểu của phí lưu ký, phí giám sát, phí quản trị quỹ, phí đại lý chuyển nhượng là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/tháng.
- Tổng mức phí tối đa của phí lưu ký, phí giám sát, phí giao dịch trả cho Ngân hàng lưu ký liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ, phí quản trị quỹ, phí đại lý chuyển nhượng là 0,45% NAV/năm.

## 2.7 Các loại phí và lệ phí khác

Các chi phí khác của Quỹ gồm:

1. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
2. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
3. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
4. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ;
5. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
6. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
7. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
8. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;
9. Chi về bảo hiểm (nếu có);
10. Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);

11. Thuế, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp luật;
12. Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ và quy định của Pháp luật;
13. Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

### 3. CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG

#### 3.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ

Chi phí hoạt động của quỹ là các khoản chi phí sau thuế sau:

- a. Chi phí quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ;
- b. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho, Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát;
- c. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
- d. Các chi phí khác được nêu trong Chương X, mục 2.6 của Bản cáo bạch này.

Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công ty quản lý quỹ sẽ công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ và tốc độ vòng quay danh mục của quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối sau khi được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác.

Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo}}$$

Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo là tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ tính tại các ngày định giá chia cho số ngày định giá chứng chỉ Quỹ trong kỳ báo cáo.

Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau :

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

#### 3.2 Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

Trong quá trình hoạt động, Quỹ sẽ phát sinh các chi phí liên quan đến giao dịch mua và bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán (“quay vòng”). Số lượng và giá trị các giao dịch mua/bán cổ phiếu càng lớn thì các chi phí liên quan đến giao dịch càng nhiều, do đó sẽ ảnh hưởng tới kết quả chung của Quỹ VFMVFA. Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ là chỉ tiêu phản ánh ảnh hưởng của hoạt động mua/bán trên tới kết quả của Quỹ đầu tư.

Chỉ tiêu Tốc độ vòng quay danh mục đầu tư của Quỹ VFMVFA được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau :

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\% \times 365}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ VFMVFA được công bố trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý 2 và Quý 4 hàng năm, trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối sau khi được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác.

Báo cáo chỉ tiêu hoạt động của Quỹ VFMVFA sẽ được công ty VFM cập nhật định kỳ (nếu có sự thay đổi) đồng thời với việc thực hiện cập nhật Bản cáo bạch này.

#### 4. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ

Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, quỹ VFMVFA sẽ không phân phối lợi nhuận. Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

#### 5. DỰ BÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô trong bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

#### 6. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Báo cáo hoạt động quỹ được thực hiện như sau:

- Đối với báo cáo NAV: được công bố sau một (01) ngày làm việc kể từ ngày định giá (giao dịch chứng chỉ quỹ);
- Đối với các báo cáo hoạt động Quỹ sẽ được thực hiện định kỳ báo cáo tháng, quý và năm theo quy định của Luật.

Báo cáo sẽ được cung cấp tại các hệ thống Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ do công ty chỉ định, và văn phòng công ty VFM hoặc trên địa chỉ website của công ty: [www.vinafund.com](http://www.vinafund.com)

## CHƯƠNG XI: ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM – VietFund Management

Trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại : (08) 3825 1488

Fax : (08) 3825 1489

Email : [ir@vinafund.com](mailto:ir@vinafund.com) Website: [www.vinafund.com](http://www.vinafund.com)

### CHI NHÁNH VĂN PHÒNG TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ : Phòng 903, Tầng 9, Tòa nhà Văn phòng Trung tâm Hà Nội, 44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (04) 3942 8168

Fax : (04) 3942 8169

Mọi thắc mắc sẽ được giải đáp tại tất cả các Đại lý phân phối chứng chỉ Quỹ VFMVFA. Danh sách Đại lý phân phối được đính kèm trong Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.



V I E T F U N D  
M A N A G E M E N T

### Trụ sở chính Công ty VFM

Phòng 1701-04, Tầng 17  
Tòa nhà Melinh Point Tower  
Số 2, Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM  
Điện thoại: +84 8 3825 1488  
Hotline: +84 8 3825 1480  
Fax: +84 8 3825 1489  
Website: [www.vinafund.com](http://www.vinafund.com)

### Chi nhánh Hà Nội

Phòng 903, tầng 9, tòa nhà HCO  
44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: +84 4 3942 8168  
Fax: +84 4 3942 8169